



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ III NĂM 2019**

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2019

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 09 năm 2019**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/09/2019)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>900.753.308.112</b>	<b>1.070.586.598.592</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>27.081.412.158</b>	<b>22.653.298.944</b>
1 . Tiền	111		27.081.412.158	22.653.298.944
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>14.378.145.329</b>	<b>14.090.680.083</b>
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.378.145.329	14.090.680.083
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>360.884.754.368</b>	<b>289.854.156.598</b>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	265.788.110.572	251.912.306.577
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		65.379.514.970	35.121.527.455
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		456.700.000	652.400.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	34.500.297.615	7.407.791.355
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.239.868.789)	(5.239.868.789)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>462.528.568.839</b>	<b>717.974.779.467</b>
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	462.528.568.839	717.974.779.467
a . Hàng mua đang đi đường			0	90.807.780.817
b . Nguyên liệu vật liệu tồn kho	142		176.009.841.525	191.262.668.960
c . Công cụ dụng cụ trong kho	143		356.604.636	143.048.027
d . Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144		179.024.237.071	225.659.469.513
e . Thành phẩm tồn kho	145		101.659.623.946	90.791.545.643
f . Hàng hoá tồn kho	146		246.463.084	291.805.081
g . Hàng gửi đi bán	147		5.231.798.577	119.018.461.426
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.880.427.418</b>	<b>26.013.683.500</b>
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	9.079.083.675	5.977.429.205
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	26.801.343.743	20.036.254.295

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/09/2019)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>621.029.845.045</b>	<b>624.141.066.762</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.710.090.930</b>	<b>1.596.552.619</b>
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.368.900.000	514.300.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.341.190.930	1.082.252.619
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>499.795.754.017</b>	<b>561.673.770.846</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	498.235.803.882	559.358.424.700
- Nguyên giá	222		1.298.229.867.099	1.251.335.716.588
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(799.994.063.217)	(691.977.291.888)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.559.950.135	2.315.346.146
- Nguyên giá	228		9.485.881.773	9.406.186.773
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.925.931.638)	(7.090.840.627)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.396.302.922</b>	<b>700.431.824</b>
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	9.396.302.922	700.431.824
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>88.770.423.157</b>	<b>44.410.493.086</b>
1 . Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	44.778.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(23.067.178.843)	(19.457.108.914)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		905.000.000	905.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.357.274.019</b>	<b>15.759.818.387</b>
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	18.357.274.019	15.759.818.387
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.521.783.153.157</b>	<b>1.694.727.665.354</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/09/2019)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)</b>
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.102.488.873.577</b>	<b>1.279.791.263.480</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>835.011.605.452</b>	<b>991.303.981.736</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	162.761.805.085	225.599.479.955
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.851.154.869	10.813.414.545
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	7.739.717.621	8.270.850.431
4 . Phải trả người lao động	314		250.555.909.334	240.627.244.930
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.867.259.786	3.303.815.006
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	16.895.575.233	13.463.120.606
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	320.903.837.559	435.402.578.503
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	70.436.345.965	53.823.477.760
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>267.477.268.125</b>	<b>288.487.281.744</b>
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		12.412.787.388	15.294.587.874
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	255.064.480.737	273.192.693.870
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>419.294.279.580</b>	<b>414.936.401.874</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>419.294.279.580</b>	<b>414.936.401.874</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		110.084.210.730	94.980.528.117
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.210.068.850	94.955.873.757
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	809.662.261
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		84.210.068.850	94.146.211.496
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.521.783.153.157</b>	<b>1.694.727.665.354</b>

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Mẫu B 02a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.073.251.546.156	1.108.656.337.331	3.056.715.299.686	3.102.234.902.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		264.247.852	186.476.201	637.105.754	1.012.373.791
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.072.987.298.304	1.108.469.861.130	3.056.078.193.932	3.101.222.528.305
4. Giá vốn hàng bán	11		997.881.619.689	1.024.210.130.126	2.828.280.901.537	2.869.432.882.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		75.105.678.615	84.259.731.004	227.797.292.395	231.789.645.362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	9.779.914.332	8.529.070.076	20.631.090.860	17.774.059.219
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	6.952.301.081	21.507.450.830	28.712.931.331	39.226.077.254
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.805.935.923	6.500.447.625	19.658.395.643	18.344.223.358
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	19.848.110.592	18.183.116.224	52.559.185.876	55.610.323.988
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	26.109.138.994	27.605.098.005	78.699.253.207	81.907.081.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		31.976.042.280	25.493.136.021	88.457.012.841	72.820.221.658
11. Thu nhập khác	31	VI.6	261.994.960	762.142.938	1.285.155.613	3.918.745.915
12. Chi phí khác	32	VI.7	709.407.330	717.254.397	1.659.314.063	1.749.511.697
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		(447.412.370)	44.888.541	(374.158.450)	2.169.234.218
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31.528.629.910	25.538.024.562	88.082.854.391	74.989.455.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.544.797.762	1.310.351.943	3.872.785.541	3.923.357.307
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		29.983.832.148	24.227.672.619	84.210.068.850	71.066.098.569

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Dặng Thị Oanh Nữ*

*Nguyễn Văn Cường*



*Nguyễn Đức Trí*

**Dặng Thị Oanh Nữ**

**Nguyễn Văn Cường**

**Nguyễn Đức Trí**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>88.082.854.391</b>	<b>74.989.455.876</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		114.256.219.983	92.082.034.026
- Các khoản dự phòng	03		3.610.069.929	(1.790.830.467)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		216.002.483	10.599.834.066
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(4.016.617.088)	(6.219.029.587)
- Chi phí lãi vay	06		19.658.395.643	18.344.223.358
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động ( 08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07 )</b>	<b>08</b>		<b>221.806.925.341</b>	<b>188.005.687.272</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(76.891.735.495)	(156.424.204.858)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		255.446.210.628	141.615.750.589
- Tăng, giảm các khoản phải trả( không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(54.904.043.450)	48.546.693.957
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.105.195.296)	(482.291.567)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.911.188.409)	(19.088.616.871)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.563.525.924)	(5.043.565.372)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		277.882.693	92.178.544
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.267.205.632)	(18.305.335.753)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>309.888.124.456</b>	<b>178.916.295.941</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(69.470.920.284)	(136.958.067.642)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		285.545.454	5.363.841.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.567.465.246)	(264.484.483)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		621.100.000	4.969.871.529
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(47.970.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		1.957.230.376	2.159.146.645
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(116.144.509.700)</b>	<b>(124.729.692.133)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.156.837.175.973	2.267.512.185.723
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.290.042.711.015)	(2.272.853.511.442)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(56.109.966.500)	(44.878.583.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(189.315.501.542)</b>	<b>(50.219.908.719)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.428.113.214</b>	<b>3.966.695.089</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>22.653.298.944</b>	<b>9.877.011.101</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>27.081.412.158</b>	<b>13.843.706.190</b>

*Đà Nẵng, ngày 17 tháng 10 năm 2019*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*Đặng Thị Oanh Nữ*

**Đặng Thị Oanh Nữ**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Nguyễn Văn Cường*

**Nguyễn Văn Cường**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Trị**

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động:**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 64,96% vốn.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Quý
- Nhà máy may Quế Sơn
- Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Văn Phòng Tổng công ty



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**

\* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

\* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

\* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

**9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
  - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
  - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
  - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi 10%
  - Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% x 10% theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Tiền mặt tại quỹ	37.691.329	162.577.000
_ VND	37.691.329	162.577.000
Tiền gửi ngân hàng	27.043.720.829	22.490.721.944
_ VND	17.880.635.434	6.730.343.586
_ USD	9.157.073.785	15.753.922.701
_ EURO	6.011.610	6.455.657
<b>Cộng</b>	<b>27.081.412.158</b>	<b>22.653.298.944</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính:**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	<b>30/09/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>- Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	14.378.145.329	14.378.145.329	14.090.680.083	14.090.680.083
<b>- Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn 5 năm	905.000.000	905.000.000	905.000.000	905.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.283.145.329</b>	<b>15.283.145.329</b>	<b>14.995.680.083</b>	<b>14.995.680.083</b>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>* Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	2.667.900.000	(1.446.204.980)	2.667.900.000	(1.989.201.844)
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	5.418.000.000	(3.879.130.740)	5.418.000.000	(4.261.810.124)
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	8.173.000.000	-	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	74.490.000.000	(7.112.752.457)	26.520.000.000	(2.636.802.891)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	2.000.000.000	(229.988.558)	2.000.000.000	(170.191.947)
<b>Cộng</b>	<b>92.748.900.000</b>	<b>(12.668.076.735)</b>	<b>44.778.900.000</b>	<b>(9.058.006.806)</b>
<b>* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết</b>				
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	-	6.428.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>
<b>* Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(99.102.108)	855.702.000	(99.102.108)
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.399.102.108)</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.399.102.108)</b>

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
<b>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.493.519.467	3.101.465.383
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.964.268.833	2.717.372.329
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	286.322.099	56.990.344
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.555.311.201	37.621.630.490
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	709.126.786	593.818.082
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.270.245.188	51.592.207.716
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	39.522.909	69.455.273
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.535.168.169	5.565.992.771
<b>Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	75.326.390.800	50.051.091.954
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.842.160.763	3.892.836.233
<b>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.316.573.835	1.728.319.092
Mua hàng hóa và dịch vụ	32.155.939.870	25.528.364.872
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	85.724.295	32.395.005
Mua hàng hóa và dịch vụ	62.422.246.387	70.093.927.708
<b>Cty CP may Hòa Thọ Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	541.068.446	406.726.402
Mua hàng hóa và dịch vụ	52.723.088.858	43.345.123.624

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:**

**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	39.405.029.852	12.228.389.708
<i>HAGGAR CANADA CO.</i>	1.893.653.003	12.812.884.041
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	7.253.141.484	5.278.985.207
<i>KURARAY TRADING CO.,LTD</i>	19.486.853.879	2.548.150.530
<i>ASMARA INTERNATIONAL LTD</i>	13.902.006.693	20.322.042.566
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	56.346.473.770	49.937.802.854
<i>SUPREME INTERNATIONAL LLC</i>	9.637.440.022	24.812.541.214
<i>GAMAL IBRAHIM AHMED AL OKIYA</i>	28.527.119.765	34.599.626.692
<i>CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI HÒA THỌ THẮNG BÌNH</i>	26.598.812.796	47.922.242.148
<i>Các khách hàng khác</i>	62.737.579.308	41.449.641.617
<b>Tổng cộng</b>	<b>265.788.110.572</b>	<b>251.912.306.577</b>

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	167.900.858	146.031.576
<i>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</i>	239.979.230	334.458.025
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên</i>		3.635.000
<i>Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</i>	26.598.812.796	47.922.242.148
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.006.692.884</b>	<b>48.406.366.749</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Các khoản phải thu:**

**a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	798.446.821		681.623.555	-
Ký cược, ký quỹ	31.595.704.266		1.267.617.638	
Phải thu khác	2.106.146.528		5.458.550.162	-
- Phải thu bảo hiểm y tế	29.061.569		-	-
- Ứng trước tiền cho BHXH	47.181.672		3.007.885.231	-
- Phải thu khác	2.029.903.287		2.450.664.931	-
<b>Cộng</b>	<b>34.500.297.615</b>	<b>-</b>	<b>7.407.791.355</b>	<b>-</b>

**b, Phải thu dài hạn khác:**

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000			
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	891.190.930	-	1.082.252.619	-
<b>Cộng</b>	<b>3.341.190.930</b>	<b>-</b>	<b>1.082.252.619</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho:**

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	90.807.780.817	-
Nguyên vật liệu	176.009.841.525		191.262.668.960	
Công cụ dụng cụ	356.604.636		143.048.027	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	179.024.237.071		225.659.469.513	
Thành phẩm	101.659.623.946	-	90.791.545.643	-
Hàng hóa	246.463.084	-	291.805.081	-
Hàng gửi đi bán	5.231.798.577		119.018.461.426	
<b>Cộng</b>	<b>462.528.568.839</b>	<b>-</b>	<b>717.974.779.467</b>	<b>-</b>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2019		276.397.966.806	840.269.107.883	51.042.421.705	6.694.051.100	93.000.000	76.839.169.094	1.251.335.716.588
Số Tăng trong kỳ		6.881.813.605	54.295.054.937	(11.717.249.249)	168.358.273	-	4.289.604.136	53.917.581.702
- Mua sắm mới		1.229.204.306	13.643.944.770	442.705.617	168.358.273	-	4.239.999.562	19.724.212.528
- Đầu tư XDCB hoàn thành		5.652.609.299	28.491.155.301	-	-	-	49.604.574	34.193.369.174
- Phân loại lại tài sản			12.159.954.866	(12.159.954.866)				-
Số Giảm trong kỳ		2.817.162.883	2.627.542.235	1.513.219.891	35.059.091	-	30.447.091	7.023.431.191
- Thanh lý, nhượng bán		1.094.011.741	2.627.542.235	1.513.219.891	35.059.091	-	30.447.091	5.300.280.049
- Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn		1.723.151.142						1.723.151.142
- Số dư tại ngày 30/09/2019		280.462.617.528	891.936.620.585	37.811.952.565	6.827.350.282	93.000.000	81.098.326.139	1.298.229.867.099
<b>Giá trị đã hao mòn</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2019		104.611.396.191	504.380.352.596	26.954.746.061	4.615.851.891	64.521.106	51.350.424.043	691.977.291.888
Số khấu hao tăng trong kỳ		12.123.912.882	92.038.630.327	1.717.061.619	656.075.318	5.699.999	6.879.748.827	113.421.128.972
- Tăng do khấu hao trong kỳ		12.123.912.882	91.126.633.715	2.629.058.231	656.075.318	5.699.999	6.879.748.827	113.421.128.972
- Phân loại lại tài sản			911.996.612	(911.996.612)				-
Số khấu hao giảm trong kỳ		1.198.089.335	2.627.542.235	1.513.219.891	35.059.091	-	30.447.091	5.404.357.643
- Thanh lý, nhượng bán		1.068.852.999	2.627.542.235	1.513.219.891	35.059.091	-	30.447.091	5.275.121.307
- Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn		129.236.336						129.236.336
- Số dư tại ngày 30/09/2019		115.537.219.738	593.791.440.688	27.158.587.789	5.236.868.118	70.221.105	58.199.725.779	799.994.063.217
<b>Giá trị còn lại</b>								
- Số dư tại ngày 01/01/2019		171.786.570.615	335.888.755.287	24.087.675.644	2.078.199.209	28.478.894	25.488.745.051	559.358.424.700
- Số dư tại ngày 30/09/2019		164.925.397.790	298.145.179.897	10.653.364.776	1.590.482.164	22.778.895	22.898.600.360	498.235.803.882

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 454.270 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**7. Tài sản cố định vô hình:**

	<b>Phần mềm</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2019	9.406.186.773
Tăng trong kỳ	79.695.000
Số dư tại ngày 30/09/2019	<u>9.485.881.773</u>
<b>Khấu hao</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2019	7.090.840.627
Tăng trong kỳ	835.091.011
Số dư tại ngày 30/09/2019	<u>7.925.931.638</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2019	2.315.346.146
Số dư tại ngày 30/09/2019	<u>1.559.950.135</u>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 3.895 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
+ Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trung tâm May đo Thời Trang - Showroom - VP cho thuê	5.921.796.575	-
+ Cải tạo nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt TCT	2.841.983.614	-
+ Chi phí cải tạo may Điện Bàn	529.063.230	479.608.685
+ Các công trình khác	103.459.503	220.823.139
<b>Cộng</b>	<u><b>9.396.302.922</b></u>	<u><b>700.431.824</b></u>

**9. Chi phí trả trước:**

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.079.083.675	5.977.429.205
<b>b. Dài hạn:</b>		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	18.357.274.019	15.759.818.387
<b>Cộng</b>	<u><b>27.436.357.694</b></u>	<u><b>21.737.247.592</b></u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải trả người bán ngắn hạn:**

*\* Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2019	01/01/2019
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	9.239.100.436	10.195.414.891
<i>MANHATTAN OUTDOOR WEAR FACTORY LTD</i>	8.095.099.003	8.675.972.079
<i>FUJIAN JING WEI NEW FIBER SCIENCE AND TECHNOLOGY CO, LTD</i>	-	7.144.380.502
<i>BTSC CO., LTD</i>	5.975.879.626	4.744.838.192
<i>KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD</i>	20.920.958.611	-
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	1.394.964.450	7.203.665.452
<i>Kufner Hongkong Limited</i>	3.581.847.402	16.126.370.100
<i>CDI COTTON DISTRIBUTORS INC</i>	-	10.343.303.873
<i>LOUIS DREYFUS COMMODITIES</i>	-	10.317.681.150
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	33.738.945.907	17.843.537.499
<i>Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam</i>	8.213.222.216	7.581.742.746
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	71.601.787.434	125.422.573.471
	<b>162.761.805.085</b>	<b>225.599.479.955</b>

*\* Phải trả người bán là các bên liên quan*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2019	01/01/2019
<i>- Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	33.738.945.907	17.843.537.499
<i>- Công ty CP May Hoà Thọ Quảng Nam</i>	8.213.222.216	7.581.742.746
<i>- Công ty CP May Hoà Thọ Hội An</i>	9.570.042	
<i>- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hoà Thọ</i>	265.666.045	
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.227.404.210</b>	<b>25.425.280.245</b>

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2019	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/09/2019
Thuế GTGT hàng nội địa	5.910.068.018	56.704.566.710	(39.806.586.702)	(16.714.724.373)		6.093.323.653
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.298.186.516	(5.298.186.516)			-
Thuế xuất nhập khẩu	-	694.082.128	(669.576.757)			24.505.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.235.538.145	3.872.785.541	(4.563.525.924)			1.544.797.762
Thuế thu nhập cá nhân	125.244.268	3.038.486.539	(3.086.639.972)		-	77.090.835
Các loại thuế khác	-	2.364.868.762	(2.364.868.762)			-
<b>Cộng</b>	<b>8.270.850.431</b>	<b>71.972.976.196</b>	<b>(55.789.384.633)</b>	<b>(16.714.724.373)</b>	<b>-</b>	<b>7.739.717.621</b>

b, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2019	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	30/09/2019
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	20.036.254.295	112.107.389.329	(88.587.117.648)	(16.714.724.373)	(40.457.860)	26.801.343.743

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	1.268.728.486	593.314.364
<i>Chi phí lãi vay</i>	112.961.812	365.754.578
<i>Chi phí thuê đất</i>	945.789.195	
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	1.287.666.808	969.676.740
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng (đơn vị may)</i>	252.113.485	1.375.069.324
<b>Cộng</b>	<b>3.867.259.786</b>	<b>3.303.815.006</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác:**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Bảo hiểm y tế	85.520.212	109.476.856
Bảo hiểm xã hội	478.936.462	611.475.067
Kinh phí công đoàn	11.669.011.638	9.344.904.621
Bảo hiểm thất nghiệp	39.500.012	47.888.965
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	638.000.000	179.007.118
Lãi cổ tức phải trả	845.898.047	705.864.547
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.138.708.862	2.464.503.432
<b>Cộng</b>	<b>16.895.575.233</b>	<b>13.463.120.606</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	30/09/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	8.493.747.108	8.493.747.108	240.801.328.765	232.307.581.657	-	-
+ Ngân hàng ĐT & PT Đà Nẵng	115.909.118.510	115.909.118.510	744.234.471.541	708.084.215.672	79.758.862.641	79.758.862.641
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	150.659.596.424	150.659.596.424	904.731.365.173	954.327.743.994	200.255.975.245	200.255.975.245
+ Ngân hàng Kỹ Thương ĐN	-	-	41.946.942.236	98.797.972.095	56.851.029.859	56.851.029.859
+ Ngân hàng Đông Nam Á-CN Đà Nẵng	17.958.139.548	17.958.139.548	226.661.121.788	274.101.457.427	65.398.475.187	65.398.475.187
+ Ban liên lạc hưu trí	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>293.220.601.590</b>	<b>293.220.601.590</b>	<b>2.158.375.229.503</b>	<b>2.267.618.970.845</b>	<b>402.464.342.932</b>	<b>402.464.342.932</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**b, Vay dài hạn:**

	30/09/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế	16.261.523.717	16.261.523.717	115.579.294	3.787.427.108	19.933.371.531	19.933.371.531
+ Ngân hàng Indovina Đà Nẵng	1.263.947.749	1.263.947.749	12.096.574	643.786.264	1.895.637.439	1.895.637.439
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	14.568.037.788	14.568.037.788	139.342.638	7.411.149.481	21.839.844.631	21.839.844.631
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	109.710	2.550.749.130	2.550.639.420	2.550.639.420
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	215.992.371.483	215.992.371.483	1.111.852.605	2.793.081.971	217.673.600.849	217.673.600.849
+ Kuraray	6.978.600.000	6.978.600.000	56.300.000	2.377.300.000	9.299.600.000	9.299.600.000
<b>Cộng</b>	<b>255.064.480.737</b>	<b>255.064.480.737</b>	<b>1.435.280.821</b>	<b>19.563.493.954</b>	<b>273.192.693.870</b>	<b>273.192.693.870</b>

**c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:**

	30/09/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	27.683.235.969	27.683.235.969	18.448.983.536	23.703.983.138	32.938.235.571	32.938.235.571
<b>Cộng</b>	<b>27.683.235.969</b>	<b>27.683.235.969</b>	<b>18.448.983.536</b>	<b>23.703.983.138</b>	<b>32.938.235.571</b>	<b>32.938.235.571</b>

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Vốn chủ sở hữu:**

**a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>81.691.135.310</b>	<b>85.993.936.689</b>	<b>392.685.071.999</b>
- Lãi trong năm			94.146.211.496	94.146.211.496
- Phân bổ vào các quỹ		13.289.392.807	(13.289.392.807)	-
- Cổ tức			(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(26.894.881.621)	(26.894.881.621)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>94.980.528.117</b>	<b>94.955.873.757</b>	<b>414.936.401.874</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>94.980.528.117</b>	<b>94.955.873.757</b>	<b>414.936.401.874</b>
- Tăng vốn trong năm				-
- Lãi trong năm			84.210.068.850	84.210.068.850
- Phân bổ vào các quỹ		15.103.682.613	(15.103.682.613)	-
- Cổ tức			(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(23.602.191.144)	(23.602.191.144)
<b>Số dư tại ngày 30/09/2019</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>110.084.210.730</b>	<b>84.210.068.850</b>	<b>419.294.279.580</b>

**b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:**

	30/09/2019	01/01/2019
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	146.156.210.000	146.156.210.000
Vốn góp của các đối tượng khác	78.843.790.000	78.843.790.000
<b>Cộng</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>225.000.000.000</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>c, Cổ phiếu:</b>	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	10.000	10.000

**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:**

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>53.823.477.760</b>
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	23.602.191.144
Tặng khác	277.882.693
Giảm trong kỳ	7.267.205.632
<b>Số dư tại ngày 30/09/2019</b>	<b>70.436.345.965</b>

**17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:**

- **Ngoại tệ các loại:**

	<b>30/09/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VNĐ</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VNĐ</b>
<b>USD</b>	395.708,77	9.157.073.785	680.672,01	15.753.922.701
<b>EUR</b>	238,83	6.011.610	244,33	6.455.657

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
+ Doanh thu bán hàng	3.054.389.505.962	3.100.751.801.482
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.385.908.142	868.100.521
+ Doanh thu khác	939.885.582	615.000.093
<b>Cộng</b>	<b>3.056.715.299.686</b>	<b>3.102.234.902.096</b>

**b, các khoản giảm trừ doanh thu:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Chiết khấu thương mại	1.742.793	3.984.988
Giảm giá hàng bán	-	185.620.222
Hàng bán bị trả lại	635.362.961	822.768.581
<b>Cộng</b>	<b>637.105.754</b>	<b>1.012.373.791</b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay.	1.957.230.376	2.159.146.645
Chiết khấu thanh toán	67.734.949	67.290.033
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.807.125.535	14.052.022.541
Lợi nhuận được chia	1.799.000.000	1.495.600.000
<b>Cộng</b>	<b>20.631.090.860</b>	<b>17.774.059.219</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Chi phí tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Chi phí lãi tiền vay	19.658.395.643	18.344.223.358
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.228.463.276	12.807.664.112
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	216.002.483	10.599.834.066
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	3.610.069.929	(2.525.644.282)
<b>Cộng</b>	<b>28.712.931.331</b>	<b>39.226.077.254</b>

**4. Chi phí bán hàng:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Chi phí nhân viên	3.243.732.629	4.855.095.341
Chi phí vật liệu, bao bì	431.651.257	651.946.542
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	257.274.339	1.039.285.642
Chi phí khấu hao TSCĐ	81.961.611	63.811.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.261.914.060	36.603.230.081
Chi phí bằng tiền khác	9.282.651.980	12.396.955.080
<b>Cộng</b>	<b>52.559.185.876</b>	<b>55.610.323.988</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Chi phí nhân viên quản lý	41.594.057.818	40.985.486.024
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.884.845.482	1.084.197.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.476.671.457	6.756.269.509
Thuế, phí và lệ phí	2.401.439.046	2.440.679.529
Chi phí dự phòng		521.432.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.865.064.711	13.582.487.337
Chi phí bằng tiền khác	14.477.174.693	16.536.529.660
<b>Cộng</b>	<b>78.699.253.207</b>	<b>81.907.081.681</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Thu nhập khác:**

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	260.386.712	2.564.282.942
Các khoản thu khác	1.024.768.901	1.354.462.973
<b>Cộng</b>	<b>1.285.155.613</b>	<b>3.918.745.915</b>

**7. Chi phí khác:**

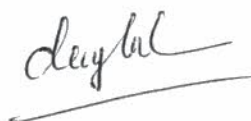
	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi phí từ thanh lý TSCĐ		
Các khoản chi khác	1.659.314.063	1.749.511.697
<b>Cộng</b>	<b>1.659.314.063</b>	<b>1.749.511.697</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.555.755.085.314	1.663.712.573.603
Chi phí nhân công	749.910.188.496	730.530.429.658
Chi phí khấu hao TSCĐ	114.256.219.983	92.082.034.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.369.775.180	406.424.507.621
<b>Cộng</b>	<b>2.804.291.268.973</b>	<b>2.892.749.544.908</b>

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



**Đặng Thị Oanh Nữ**

KẾ TOÁN TRƯỞNG



**Nguyễn Văn Cường**

TỔNG GIÁM ĐỐC





**Nguyễn Đức Trị**